

Bản án số: 23/2022/HS-ST
Ngày 18 - 4 - 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Tân.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - + Bà Dư Thị Út
 - + Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Tuyết L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1978, tại Bạc Liêu.

Nơi cư trú: Ấp D, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1956 và bà Dương Thị A, sinh năm 1955; chồng: Anyaegbu Chinaemerem Benedict, sinh năm 1993; con Tô Bảo L1, sinh năm 1998 và Tô Bảo L2, sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không.

Bị khởi tố bị can ngày 11/11/2021 cho tại ngoại điều tra đến nay. “*có mặt*”.

* Bị hại: Ông Đào Chí T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 40, khóm A, phường B, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
“*có đơn xin vắng mặt*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Tuyết L là người quen biết ông Đào Chí T chủ tiệm cầm đồ Ánh Phước, địa chỉ: Số 40, đường số 13, khu dân cư Trảng An, khóm 1, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu do thường xuyên đến thuê xe của ông T để đi lại. Ngày 12/6/2017, L đến gặp ông T thuê một chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Vison màu đỏ, biển kiểm soát 94K1 – 315.21 đã qua sử dụng làm phương tiện đi lại thì ông T làm giấy hợp đồng thuê xe trong thời hạn 07 ngày, từ ngày 12 đến 19/6/2017, với giá 150.000 đồng/ngày. Khi đến hạn trả xe thì L đến gặp ông T thanh toán tiền thuê xe với số tiền 1.050.000 đồng và tiếp tục gia hạn thuê xe với giá 90.000 đồng/ngày cho đến khi trả lại xe thì ông T đồng ý, nhưng do quen biết hai bên thỏa thuận miệng, không làm hợp đồng mới. Trong thời gian này do không có tiền chi xài và trả nợ cá nhân nên L có ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên. Sau đó L đến quán cà phê Trung Nguyên đường Hòa Bình, phường 7, thành phố Bạc Liêu gặp người bạn tên Hùng (không biết rõ họ tên, địa chỉ), L nói có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vison không có giấy đăng ký xe, Hùng có quen ai nhờ cầm giùm 10.000.000 đồng thì Hùng đồng ý và lấy xe đem đi cầm, một lúc sau Hùng quay lại đưa cho L 8.500.000 đồng và nói là do xe không giấy tờ nên phải trả trước tiền lãi suất cầm xe 150.000 đồng. Đã quá hạn thuê xe mà L không trả xe và tiền thuê xe thì ông T gọi điện cho L, để tránh việc ông T biết L cầm xe nên L nói dối là đã chạy xe lên thành phố Hồ Chí Minh nuôi người thân bệnh, khi nào về sẽ trả xe và tiền thuê xe, sau đó L xuất cảnh sang Malaysia bỏ trốn đi làm thuê. Do không liên lạc được với L nên ông T trình báo công an phường 7, thành phố Bạc Liêu.

Bản kết luận định giá tài sản số: 25/GĐ-2021 ngày 09/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thành phố Bạc Liêu kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu đỏ, số máy JF580293249, số khung RLHJF5800EY407619, biển kiểm soát 94K1-315.21 có giá trị 26.145.000 đồng.

Quá trình điều tra, truy tố Nguyễn Thị Tuyết L thần khản khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu truy tố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết L tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Cáo trạng 12/CT-VKS ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu truy tố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết L tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự

năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, tại thời điểm L thực hiện hành vi phạm tội năm 2017, lúc này Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật. Theo hướng dẫn điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 quy định áp dụng pháp luật có lợi cho người phạm tội thì tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt (06 tháng đến 03 năm tù), nặng hơn tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (từ 03 tháng đến 03 năm tù) cho nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định pháp luật theo quy định Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để tuyên mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án.

+ Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đề nghị: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết L từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho ông Đào Chí T số tiền 24.750.000 đồng.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Thị Tuyết L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.237.250 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Sau khi nghe Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu trình bày luận tội, bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để có điều kiện chăm sóc mẹ già bị bệnh.

- Bị hại ông Đào Chí T vắng mặt không có ý kiến trình bày. Quá trình điều tra ông T có yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật, về trách nhiệm dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường chiếc xe bị chiếm đoạt theo giá trị của Hội đồng định giá tài sản ngày 09/3/2018 là 26.145.000 và số tiền thuê xe đến khi bị cáo L chiếm đoạt chiếc xe là 3.600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại ông Đào Chí T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử

xét thấy ông T đã có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra, về trách nhiệm dân sự có yêu cầu rõ ràng, sự vắng mặt của ông T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị Tuyết L tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra; lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm, cách thức chiếm đoạt tài sản; đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Do đó, đủ căn cứ chứng minh: Vì động cơ vụ lợi bất chính, vào ngày 12/6/2017 tại khóm 1, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu Nguyễn Thị Tuyết L đến tiệm cầm đồ Ánh Phước do ông Đào Chí T làm chủ thuê xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, biển kiểm soát 94K1-315.21 có giá trị 26.145.000 đồng đem cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau đó L nói dối với ông T là đem xe lên thành phố Hồ Chí Minh nuôi người thân bệnh rồi bỏ trốn nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội Nguyễn Thị Tuyết L có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi nêu trên của Nguyễn Thị Tuyết L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, tại thời điểm L thực hiện hành vi phạm tội năm 2017, lúc này Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật. Căn cứ hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội quy định áp dụng pháp luật có lợi cho người phạm tội thì tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm tù, nặng hơn tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 có khung hình phạt từ 03 tháng đến 03 năm. Tại phiên tòa, Kiểm sát kết luận đề nghị xử phạt bị cáo tội danh nhẹ hơn theo quy định điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo L là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội nêu trên cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành

hình phạt tù có thời hạn để cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần tuyên truyền giáo dục pháp luật, nêu cao tinh thần cảnh giác, chủ động phòng ngừa tội phạm trong quần chúng nhân dân.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường khắc phục một phần số tiền chiếm đoạt cho bị hại, do đó Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu đỏ, biển kiểm soát 94K1-315.21, qua điều tra xác định do Phạm Thị Hà trú tại huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình đứng tên chủ sở hữu, nhưng chưa xác định được Hà ở đâu nên không thu hồi xe được.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Do bị cáo có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác và bị hại có yêu cầu bồi thường thiệt hại. Căn cứ Điều 584; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo Nguyễn Thị Tuyết L có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại giá trị xe mô tô đã chiếm đoạt theo giá trị của Hội đồng định giá tài sản kết luận là 24.145.000 đồng. Đối với yêu cầu bồi thường tiền thuê xe tính từ ngày 20/6/2017 đến ngày 30/7/2017 là 40 ngày x 90.000 đồng/ngày = 3.600.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của ông T phù hợp với thời gian bị cáo L quản lý, sử dụng đến khi chiếm đoạt xe, tại phiên tòa bị cáo L cũng đồng ý bồi thường số tiền theo yêu cầu của bị hại. Như vậy, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết L phải bồi thường cho bị hại tổng số là 29.745.000 đồng. Bị cáo L đã bồi thường được 5.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0002846 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, ông Đào Chí T được nhận số tiền này, bị cáo L tiếp tục phải bồi thường cho bị hại số tiền 24.745.000 đồng.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Công an thành phố Bạc Liêu, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Tuyết L không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Bạc Liêu về mức hình phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có hành vi chiếm đoạt tài sản có giá trị 26.145.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có sự ăn năn, hối cải về hành vi của mình, lẽ ra bị cáo được áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, nhưng do khung hình phạt áp dụng là khung hình phạt nhẹ nhất của điều luật. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát đề nghị. Các nội dung đề nghị khác đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết L 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Tuyết L bồi thường cho bị hại số tiền: 24.745.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Tuyết L phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.237.250 đồng (*một triệu, hai trăm ba mươi bảy ngàn, hai trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền trên đây, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nội nhần:

- TAND tænh Băic Liâu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liâu;
- VKSND TP Băic Liâu;
- Nhaø táim giổố Công an TP Băic Liâu;
- Công an TP Băic Liâu;
- Chi cuốc Thi hănh án dân sự Tp. Băic Liâu;
- Bò caồ;
- Bị hại;
- Lồu.

Trần Minh Tân